

CHUYÊN MỤC

TRIẾT HỌC - CHÍNH TRỊ HỌC - LUẬT HỌC

LIÊM CHÍNH TRONG ĐẠO LÀM QUAN CỦA LÊ QUÝ ĐÔN

PHAN NGỌC HUYỀN*

Liêm chính trong đạo làm quan của kẻ sĩ xưa có ý nghĩa quan trọng đối với sự nghiệp chính trị và đời sống xã hội của mỗi triều đại. Có người làm quan nói về Liêm chính thì hay mà thực hành thì dở. Lại có kẻ thi hành Liêm chính không đúng cách nên đạo làm quan cuối cùng cũng chưa trọn vẹn. Lê Quý Đôn (1726 - 1784) là người khắc phục được hạn chế đó trên con đường hoạn lộ của mình. Bài viết này tìm hiểu tư tưởng của Lê Quý Đôn về Liêm chính và vấn đề thực hành Liêm chính trong sự nghiệp quan trường của ông. Qua đó, góp phần thấy rõ nét đáng quý ở Lê Quý Đôn: nhận thức về Liêm chính rất rõ ràng và thực hành Liêm chính cũng rất minh bạch.

Từ khóa: Lê Quý Đôn, đạo làm quan, Liêm chính

Nhận bài ngày: 3/8/2016; đưa vào biên tập: 1/12/2016; phản biện: 18/4/2017; duyệt đăng: 25/5/2017

Trong đạo làm quan, Liêm chính là cái cần nhất và cũng là cái khó nhất đối với kẻ sĩ. Người làm quan thanh liêm, công bằng thì chẳng những cá nhân con người ấy để lại tiếng thơm, mà đất nước cũng nhờ đó sẽ trở nên hưng thịnh. Ngược lại, nếu quan lại chỉ lo tư lợi, tham ô, những nhiễu sẽ khiến

cho đất nước suy yếu. Lê Quý Đôn từng dẫn lời của cổ nhân để nhắc nhở hậu thế: “Đất nước bại vong là do quan lại gian tà; quan lại thất đức là do ham ăn đút lót. Cái tệ ngàn đời không ngoài câu nói ấy” (Lê Quý Đôn 1995: 129). Cũng vì thấy rõ quy luật ấy mà trong cuộc đời làm quan của mình, Lê Quý Đôn quan tâm nhiều đến sự Liêm chính và thực hành tính Liêm chính.

* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

1. QUAN NIỆM CỦA LÊ QUÝ ĐÔN VỀ SỰ LIÊM CHÍNH

Trong các trước tác của mình, Lê Quý Đôn hầu như chưa có một định nghĩa cụ thể về liêm chính. Tuy nhiên, ông bàn luận nhiều về vai trò của đức liêm trong cách thức cai trị của người làm quan, thể hiện rõ nhận thức và quan điểm của mình về vấn đề liêm chính.

Trong *Quần thư khảo biện*, *Thư kinh điển nghĩa*, *Vân đài loại ngữ*, *Kiến văn tiểu lục*,... Lê Quý Đôn nhiều lần dẫn các điển cổ và những lời bàn luận của người xưa về đức liêm để “răn người rồi ruột tham lam mù quáng” (Lê Quý Đôn 2007b: 44). Ông cho rằng, đối với người làm quan, “liêm” và “danh” có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Mất đi đức liêm thì ô danh một đời, lương tâm cắn rứt, chẳng đối được mình. Lê Quý Đôn dẫn lời của Chân Tây Sơn – một học giả đời Tống: “Giữ mình lấy liêm: kẻ sĩ liêm, cũng như con gái trinh khiết. Nếu làm điều ô uế một tí, thì để điểm nhục một đời. Đừng tưởng mình ở trong nhà tối. Thực ra có bốn cái biết soi vào [trời biết, đất biết, người biết, ta biết – TG chú]. Dầu ta không tự trọng, nhưng cái tâm của ta là thần minh, có thể đối được hay sao” (Lê Quý Đôn 1961: 363-364).

Nhận thức về liêm chính của Lê Quý Đôn không mơ hồ và không chỉ dừng lại ở những lời nói suông. Ông tán thành quan điểm của Nhan Thi: “Người quân tử ở đời, cốt sao có giúp ích cho sự việc, không phải chỉ nói khoác bàn suông, bên tả cái đàn, bên

hữu pho sách, để phí hoài lộc vị của vua” (Lê Quý Đôn 2007b: 23).

Vì vậy, Lê Quý Đôn cho rằng người làm quan liêm chính phải thể hiện qua hành động thực tế, phải gần dân, hiểu dân, tìm ra cách chăm lo hiệu quả nhất đến đời sống của nhân dân. Ngay trong “Lời tựa” ở đầu sách *Phủ biên tạp lục*, Lê Quý Đôn đã viết: “Kể sĩ ra làm quan hành chính, có phải chỉ ung dung ở chốn miếu đường, bàn bạc văn nhã hay tỏ ra đức vọng mà thôi đâu. Có khi phải tuần xét biên giới, mà phải chịu trách nhiệm một phương thì cũng phải nghĩ đến làm sao để vỗ về binh nông, dập lợi trừ hại, tuyên bố những lời răn dạy, đổi dời phong tục, hết khả năng tâm lực mà làm điều chức phận nên làm, để thỏa lòng bề trên, ban ơn dân chúng...” (Lê Quý Đôn 2007a: 33).

Thước đo của phương cách “trị dân” nói chung và thực hành đức liêm chính nói riêng của người làm quan, theo Lê Quý Đôn, phải nằm ở chỗ dân có thấy thỏa đáng, có thấy “tiện” hay không. Trong *Phủ biên tạp lục*, Lê Quý Đôn dẫn ý kiến của Âu Dương Tu đời Tống: “Trị dân không hỏi quan lại có tài giỏi hay không, hễ dân cho là tiện tức là quan lại giỏi” và đặt ra câu hỏi rằng: “Cai trị mà đến nỗi dân kêu là không tiện thì có nên không?” (Lê Quý Đôn 2007a: 33). Vậy thế nào là “tiện”? Ông cắt nghĩa một cách rất đơn giản: “Trị dân bằng vô sự, không sinh việc cũng không bỏ việc thì dân tự cho là tiện. Dân đã lấy làm tiện thì cũng là vô sự” (Lê Quý Đôn 2007a: 35). Như vậy,

muốn vô sự thì phải thực hành liêm chính, chủ trương cai trị “khoan giãn” với dân. Đó là điều từ xưa cổ nhân đã đúc rút được trong đạo làm quan: “Khoan là không hà khắc, giãn là không phiền toái. Người thức giả cho là nói phải” (Lê Quý Đôn 1961: 61).

Như vậy, liêm chính xét đến cùng còn gắn liền với chính sách “khoan thư sức dân” – điều mà cách đó gần năm thế kỷ, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đã từng nhấn mạnh với các vua Trần.

Năm Cảnh Hưng thứ 34 (1773), nhân lúc Đảng Ngoài gặp phải đại hạn, Lê Quý Đôn đã tâu trình với chúa Trịnh 5 điều, trong đó có đoạn nói: “Phương pháp của cổ nhân để đem lại khí hòa, dẹp tai biến, cốt ở lấy lễ mà cầu phúc của thần, lấy đức mà khoan sức dân” (Phan Huy Chú 2008: 466).

Ngược lại, theo Lê Quý Đôn, quan lại hà khắc, tham ô, những nhiễu, chắc chắn sẽ đưa đến bại vong của bất kì triều đại nào. Vì vậy, liêm chính có liên quan trực tiếp đến sự thịnh suy, tồn vong của các triều đại. Trong *Quản thư khảo biện*, Lê Quý Đôn đã viết: “Ôi! Cửa cải dứt lốt làm hại đến nước người ta quá lắm!” Sau khi dẫn lại điển tích trong Bắc sử về việc Uất Lạo Tử - học trò của Quỷ Cốc tiên sinh khuyên vua Tần dùng kế dứt lốt, mua chuộc sáu nước còn lại dẫn đến các nước này lần lượt bị đổ, Lê Quý Đôn tự rút ra bài học thấm thía rằng: “Nền xã tắc sau bảy trăm năm của sáu nước phải dùng sức lực cả nước giữ gìn vẫn chưa đủ, nhưng lòng tham

của một kẻ bề tôi lại dư sức phá tan” (Lê Quý Đôn 1995: 155-156).

Trong các tác phẩm của mình, Lê Quý Đôn hơn một lần nhấn mạnh về giá trị và thước đo của liêm chính đối với người làm quan. Giá trị ấy được đo bằng việc kính dân, làm cho đời sống nhân dân được no đủ, đúng như chức trách của quan lại thời xưa vốn được xem như “cha mẹ” của dân (“Dân chi phụ mẫu”). Lê Quý Đôn nhắc lại lời dạy của cổ nhân: “Đức độ tốt phải thể hiện ở chính sự hay, tức là nuôi dân no đủ”; “Dân là gốc của nước, gốc vững thì nước mới yên” (Lê Quý Đôn 1993: 126). Từ việc nghiên cứu kinh điển, Lê Quý Đôn tự rút ra rằng: “Biết sợ dân thì nên kính giữ thân, không rong chơi, không dâm dục, không lười biếng, không hoang toàng. Kính giữ được thân mình là đã nhân ái được với dân” (Lê Quý Đôn 1993: 127).

Lê Quý Đôn còn cho rằng, người làm quan liêm chính thì dù ở cương vị nào, phụ trách lĩnh vực nào cũng phải làm tốt công việc đó, muốn vậy, không chỉ cần đạo đức trong sáng, mà còn cần có trí tuệ, chịu học hỏi. Trong sách *Kiến văn tiểu lục*, quyển 1, phần “*Châm cảnh*” (Khuyên răn), Lê Quý Đôn đã dẫn sách *Gia huấn* của Nhan Thị có đoạn viết: “Bây tôi ở triều đình, cần người sáng suốt thể lệ trị an, vạch ra đường lối chính trị và có kiến thức rộng rãi; bây tôi về văn, sử, cần người trứ thuật hiến chương, không bỏ sót phép tắc tiền cổ; bây tôi về quân sự, cần người quả quyết có cơ mưu,

mạnh khỏe, thành thạo việc chiến đấu; bày tôi nơi phiên trấn, cần người hiểu rõ phong tục, thanh khiết, yêu dân; bày tôi phụng mệnh đi sứ, cần người biết ứng biến, theo lẽ phải, không phụ mệnh lệnh của vua đã giao phó cho; bày tôi giữ việc xây dựng, cần người thạo công việc, đỡ hao phí, có nghệ thuật về việc mở mang. Những việc ấy đều do người chăm chỉ học hỏi, giữ gìn hạnh kiểm có thể làm được...Chỉ cần người nào cũng đều hiểu rõ ý nghĩ, giữ lấy một chức cho được hoàn hảo, như thế đã không hổ thẹn rồi” (Lê Quý Đôn 2007b: 23-24).

Cũng theo Lê Quý Đôn, giữ gìn “tâm thuật” là vấn đề cốt lõi để thực hành liêm chính, thu phục nhân tâm: “Trí thức, người ta có kẻ cao người thấp. Tài năng, có người lanh người chậm. Đó là do trời phú bẩm. Nhưng giữ gìn tâm thuật, phải nhờ ở công phu tu tỉnh... Lấy đoan thuần làm gốc, giữ cho cẩn thận, làm cho kính cẩn, giữ cho công bằng; trong sạch, mà thông suốt; thẳng, mà khoan hòa; siêng, mà giản tĩnh; lúc nào cũng như lúc nào, thế là được nhân tâm” (Lê Quý Đôn 1961: 339).

Đương nhiên, đức liêm chính của quan lại còn phụ thuộc ở “chính sách trị lại” của bậc quân vương: “Từ ngàn xưa, việc chấn, huấn chỉnh bách quan cai trị dân chúng, không ra ngoài câu ‘Đem nghĩa công tiêu diệt tư tâm’. Ham tiền của, thích gái đẹp, vì cảm tình, vì thể diện, đều là tư tâm cả” (Lê Quý Đôn 1993: 338). Muốn loại bỏ “Tư tâm” thì ngoài giáo dục, khuyên

răn, vỗ về và chế tài xử phạt hành vi tham ô, những nhiễu, cần lắm một chính sách đãi ngộ thỏa đáng để nuôi dưỡng đức liêm: “Dùng làm quan, rồi sau cho ăn lộc. Lộc cho người hiền tài chưa được hậu, thì khó lòng buộc họ thanh liêm” (Lê Quý Đôn 1993: 214).

Có thể nói, những nhận thức và quan điểm của Lê Quý Đôn về liêm chính vừa là sự tổng kết kinh nghiệm của cổ nhân, vừa là sự chiêm nghiệm thực tế những gì ông từng trải qua ở chốn quan trường. Giá trị của những tư tưởng ấy được chứng minh bằng những việc làm, hành động cụ thể của Lê Quý Đôn trong sự nghiệp làm quan.

2. LIÊM CHÍNH TRONG SỰ NGHIỆP QUAN TRƯỞNG CỦA LÊ QUÝ ĐÔN

Bước chân vào con đường hoạn lộ, Lê Quý Đôn đã nỗ lực thực hành liêm chính, biến những điều mình nhận thức, đúc rút được về liêm chính vận dụng trong công việc của mình. Qua ghi chép của các cuốn sử thời Hậu Lê và thời Nguyễn, có thể thấy Lê Quý Đôn đã rất nỗ lực vận động chúa Trịnh thực thi các biện pháp nhằm cải cách phương thức bổ nhiệm quan lại, sửa đổi thuế khóa, chỉnh huấn phong tục. Mục đích chính của các biện pháp này là hướng đến một chế độ chính trị nghiêm minh, hạn chế bớt sự phiền hà, những nhiễu của quan lại để ổn định đời sống nhân dân.

Lê Quý Đôn từng trình bày với chúa Trịnh bốn việc cần phải cải cách về chính sự, trong đó có đề nghị: “Hiển sát Phó sứ và Tham nghị là người có chuyên trách ở một địa phương, thế

mà ít lâu nay những bọn cầu may để làm quan phần nhiều không do các quan trong triều đường bảo cử, chỉ lén lút cầu cạnh để được dự vào sự bổ dụng. Xin thu hồi lệnh trước, mà cho các quan trong triều đường bảo cử theo như lệ cũ” (Quốc sử quán triều Nguyễn 1998: 923). Lời đề nghị này của ông được chúa Trịnh Sâm cho là phải lẽ, lập tức hạ lệnh cho thi hành.

Mùa xuân năm Cảnh Hưng thứ 37 (1776), Lê Quý Đôn được cử làm Tham thị quân vụ, giúp việc cho nha trấn phủ ở Phú Xuân. Ông nhận thấy “Trần ty mới đặt, mọi việc bắt đầu...” nên chủ trương “cùng đồng liêu bàn tính công việc khu xử, mới tạm đặt đề lại, định lệ kiện... để yên lòng dân mới phụ” (Lê Quý Đôn 2007a: 33-34). Có thể thấy cách làm việc của ông không độc đoán và đặt việc lo cho dân lên trước hết.

Với sự tín nhiệm của chúa Trịnh, Lê Quý Đôn đã tham gia vào nhiều cuộc điều tra các sai phạm tiêu cực ở chốn quan trường. Năm Cảnh Hưng thứ 33 (1772), viên quan Vũ Trần Thiệu sau khi đi công cán từ ải Nam Quan trở về triều đình có dâng sớ nói, đời sống của nhân dân ở hạt Lạng Sơn chịu nhiều đau khổ. Nhân việc đó, triều đình bèn hạ lệnh cho Lê Quý Đôn đi xét hỏi cụ thể. Lê Quý Đôn một lần nữa đã thẳng thắn trình bày tình trạng hà khắc những nhiễu của viên Đốc trấn Lê Doãn Thân. Doãn Thân sau đó đã bị hạch tội và bị bãi chức (Quốc sử quán triều Nguyễn 1998: 926). Năm

Cảnh Hưng thứ 38 (1777), ông được chúa Trịnh sai tra xét, thống kê số thóc thu vào, phát ra từ năm Giáp Ngọ (1774) trở đi để báo cáo với triều đình. Nguyên nhân của việc điều tra này được *Đại Việt sử kí tục biên* ghi lại như sau: “Từ lúc dụng binh, điều phát ngày thêm nhiều, hoặc sai dân cung tiến thóc, hoặc mua vét thóc của nhà giàu, hoặc trưng thu ở kho thóc công của các lộ, trước sau sai Tổng lý giám đốc vận tải đường thủy đường bộ vận chuyển qua nhiều chặng. Những người làm việc thu phát phần nhiều những lạm, che dấu lẫn cho nhau, tề ấy không kể xiết. Đến bây giờ tra xét cho ra” (*Đại Việt sử kí tục biên 1676 - 1789*, 2012: 416).

Trong sự nghiệp quan trường của mình, dù lúc thăng lúc giáng, dù làm quan ở kinh diên hay ở các trấn xứ, Lê Quý Đôn luôn tích cực tham gia đấu tranh, vạch trần những tiêu cực, những lạm ở chốn quan trường. Năm Cảnh Hưng thứ 17 (1756), chúa Trịnh sai Lê Quý Đôn đi dò la xét hỏi quan lại các lộ ở miền Tây Nam. Ông đã thẳng thắn tâu với triều đình: “Các quan ở phủ huyện, có bọn Nguyễn Duy Thuần thanh liêm, cần mẫn, bọn Trịnh Thụ tham nhũng, thói nát, gồm 13 người, hoặc thẳng hoặc truat khác nhau” (Quốc sử quán triều Nguyễn 1998: 891).

Mặc dù, những sự kiện liên quan đến việc chống tham nhũng của Lê Quý Đôn được chính sử thời Lê chép như trên không nhiều, nhưng chỉ với vài sự kiện trên có thể nói rằng trong lịch sử

Đại Việt thế kỷ XVIII, Lê Quý Đôn là một trong những vị quan đã tham gia tích cực vào việc phòng chống tệ tham ô, những nhiều của quan lại đương thời.

Có lẽ vì điều đó, kết hợp với lý do ông được các chúa Trịnh khá tin dùng, quý mến nên ông bị nhiều thế lực trong triều đình ghen ghét. Đặc biệt sử nhà Nguyễn sau này thường ghi chép về Lê Quý Đôn như một vị quan tham, nhờ luồn lách mà ngoi lên.

Chẳng hạn, năm Cảnh Hưng thứ 26 (1765), Lê Quý Đôn bảy giờ đang giữ chức Tham chính Hải Dương dâng sớ xin từ chức. Nguyên nhân của sự việc này được các sử quan thời Nguyễn lý giải rằng từ khi Lê Quý Đôn đi sứ nhà Thanh trở về nước [tức từ năm 1760-1762 - TG. chú], do bị phái ra làm quan ở ngoài kinh diên nên ông có phần bất đắc chí và xin chúa Trịnh từ quan. Các triều thần đương thời đã dựa vào lời sớ xin từ chức có ý “tự giải bày chín tội” quy kết Lê Quý Đôn “tự kể công lao của mình” (Quốc sử quán triều Nguyễn 1998: 911) và gièm pha ông. Thậm chí, quy chụp và ghen ghét Lê Quý Đôn, Tham nghị xứ Thanh Hoa là Lê Thế Toại từng nặng lời gièm pha: “Con người của Lê Quý Đôn lúc nào cũng đưa đẩy lia lịa, nếu dùng người này vào chức cao cả tất nhiên làm tai hại cho nhân dân...” (Quốc sử quán triều Nguyễn 1998: 945).

Năm Cảnh Hưng thứ 32 (1771), Lê Quý Đôn được bổ làm Tả Thị lang bộ Công, quyền giữ chức Đô ngự sử. Sử

nhà Nguyễn chép: “Trước kia, Quý Đôn làm Phó Đô ngự sử, thường dùng số bạc đút lót trong khi xét kiện để dâng chúa Trịnh, bèn được thăng chức Hữu Thị lang bộ Hộ. Đến nay, nhân khi khám xét hạt Thanh Hoa trở về, lại dâng hơn một ngàn lạng bạc đã ăn của đút, nên do chức Hữu Thị lang bộ Hộ thăng lên chức này” (Quốc sử quán triều Nguyễn 1998: 923). Dưới sự kiện này còn có “Lời phê” của vua Tự Đức: “Chỉ có tiếng mà không có thực, thì trước kia tự trình bày tội lỗi của mình, chẳng qua cũng chỉ vì nóng ruột muốn nhảy lên quan to mà thôi”. Lời phê này thể hiện sự cảm tính và thái độ “không ưa” Lê Quý Đôn của vua Tự Đức.

Tuy nhiên, trái với giọng điệu đánh giá có phần nặng nề của sử quan thời Nguyễn và vua Tự Đức, sách *Đại Việt sử ký tục biên* chép ngắn gọn nhưng có phần khách quan hơn về những thông tin trên: “Đài phó Lê Quý Đôn vì nhiều lần đem số tiền của người bị kiện đút lót nộp vào quỹ công nên được đặc cách thăng lên Hữu thị lang bộ Hộ” (*Đại Việt sử ký tục biên 1676 - 1789*, 2012: 328). Chính chi tiết được biên chép này góp phần nói lên uẩn khúc của vấn đề: nếu Lê Quý Đôn thực sự nhận của đút lót thì sao lại còn nộp vào quỹ công (hoặc dâng lên chúa Trịnh) và còn được thăng chức?

Nếu đọc kỹ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* thì thấy còn một số sự kiện nữa liên quan đến Lê Quý Đôn được các sử gia thời Nguyễn

chép với thái độ phê phán. Chẳng hạn như sự kiện năm Cảnh Hưng thứ 34 (1773), khi Lê Quý Đôn được bổ dụng giữ chức Bồi tụng trong phủ Chúa, người ta cho rằng ông vì có quyền lớn mà: “phạm những việc dùng để xén bớt ức chế nội điện, không việc gì không làm”. Sự kiện khác là vào năm Cảnh Hưng thứ 40 (1779), thổ tù Hoàng Văn Đồng – người được giao cai quản thu thuế ở mỏ đồng Tụ Long đã tố cáo Lê Quý Đôn cùng với một viên quan khác là Chu Xuân Hán về tội sách nhiễu, tống giam khổ sở Hoàng Văn Đồng và bắt người này phải nộp bạc hối lộ lên đến 3.000 lạng... (Quốc sử quán triều Nguyễn 1998: 927-928; 949).

Ngoài ra, Lê Quý Đôn còn từng bị hạch tội vì “lập mưu cho con [tên là Quý Kiệt – TG chú] ăn cắp bài văn thi ở trong trường”, hoặc đã “vụng trộm chiếm nơi cấm địa”, táng trộm mả tổ ở sơn phận Tân Viên... Những đánh giá trên trong sử nhà Nguyễn có lẽ cần có thêm tư liệu để kiểm chứng. Không loại trừ do chúa Trịnh là đối thủ của nhà Nguyễn, nên bề tôi Lê Quý Đôn, người được chúa Trịnh tin dùng, cũng bị đánh giá sai lệch.

Dẫu sao sử đương thời vẫn đánh giá Lê Quý Đôn là một bậc hiền tài và là bề tôi đắc dụng của chúa Trịnh. Thị phi liên quan đến ông có thể là hệ quả của tính cương trực của ông, của sự ghen ghét trong đội ngũ triều thần khi ông được các chúa Trịnh, từ Trịnh Doanh, Trịnh Sâm đến Trịnh Khải (đặc biệt là Trịnh Sâm) rất mực kính

trọng và yêu quý. Sau khi bị bãi chức Tham chính Hải Dương, ông được chính triều thần, mà đại diện là Nguyễn Bá Lân, tâu xin với chúa Trịnh cho “lục dụng” (phục chức trở lại) để: “Nâng đỡ người bị oan ức lâu ngày; rộng gia ơn về việc chuộc tội, cứu vớt dân xiêu lưu, để dân khỏi đau khổ” (Quốc sử quán triều Nguyễn 1998: 911).

Năm Cảnh Hưng thứ 44 (1784), Lê Quý Đôn qua đời. Chúa Trịnh là Trịnh Khải đã xin với vua Lê Hiển Tông cho bãi triều ba ngày để tỏ ý thương tiếc. Sau hơn hai mươi năm lăn lộn ở chốn quan trường, phụng sự nhà Lê - Trịnh trải qua ba đời chúa, việc bãi triều ba ngày là sự ghi nhận của triều đình đối với công lao và đóng góp của Lê Quý Đôn. Điều đó một lần nữa chứng minh với hậu thế: ông là một vị quan tốt, một người đã thực hành liêm chính đúng như những gì mình đã nói, đã viết và đã bàn luận.

3. THAY LỜI KẾT LUẬN

Trong cả lời nói, trước tác và công việc của mình, Lê Quý Đôn luôn đề cao liêm chính. Những lời bàn trong các tác phẩm của ông và cả những ghi chép trong chính sử cho thấy rõ có sự thống nhất từ tư tưởng đến hành động của Lê Quý Đôn về liêm chính. Những “nghị án” đặt ra xung quanh sự liêm chính trong con đường hoạn lộ của Lê Quý Đôn mà sử nhà Nguyễn có nhắc đến cần có thêm tư liệu để kiểm chứng. Tuy nhiên, có thể thấy rằng Lê Quý Đôn là người đã có những nhận thức đúng đắn, tiến bộ về

liêm chính và đã thực hành liêm chính rất nghiêm túc. Trong bối cảnh xã hội loạn lạc “thượng bất chính, hạ tất loạn” bấy giờ, đó là điều rất đáng quý ở vị quan bác học Lê Quý Đôn. Có thể

nói những tư tưởng về liêm chính mà Lê Quý Đôn rút ra trong lịch sử và từ chính sự trải nghiệm của cá nhân ông, cho đến hôm nay vẫn còn ý nghĩa sâu sắc. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Phan Huy Chú. 2008. *Lịch triều hiến chương loại chí* (Nhân vật chí) (Bản dịch), Tập 1. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
2. *Đại Việt sử ký tục biên 1676 - 1789* (Bản dịch). 2012. Gia Lai: Nxb. Hồng Bàng - Trung tâm Ngôn ngữ Văn hóa Đông Tây.
3. Lê Quý Đôn. 1961. *Vân Đài loại ngữ* (Bản dịch). Hà Nội: Nxb. Văn hóa.
4. Lê Quý Đôn. 1993. *Kinh thư diển nghĩa* (Bản dịch). TPHCM: Nxb. TPHCM.
5. Lê Quý Đôn. 1995. *Quần thư khảo biện* (Bản dịch). Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
6. Lê Quý Đôn. 2007a. *Phủ biên tạp lục* (Bản dịch). Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.
7. Lê Quý Đôn. 2007b. *Kiến văn tiểu lục* (Bản dịch). Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.
8. Quốc sử quán triều Nguyễn. 1998. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Bản dịch, bản điện tử). Hà Nội: Nxb. Giáo dục.